

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Th H (Nguyễn Thị Th H)** - sinh năm 1983.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp I, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trần V Kh** - sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Trần Văn D (Trần Thanh D)** - sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng D sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Th H và anh Trần V Kh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Th H và anh Trần V Kh thuận tình ly hôn.

2.2 Về con: Chị Nguyễn Th H và anh Trần V Kh thống nhất, giao con chung tên Trần V D - sinh ngày 24 tháng 6 năm 2006 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Trần V Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Chị Nguyễn Th H không yêu cầu anh Trần V Kh cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

2.3 Về tài sản chung: Chị H rút yêu cầu chia theo pháp luật đối với tài sản chung gồm 1,5 công đất nông nghiệp diện tích 1.950m² ở ấp Tường A, xã X và diện tích đất 1.300m² ở ấp T, xã X. Anh Kh và ông D đồng ý việc chị H rút toàn bộ yêu cầu về tài sản.

2.4 Về nợ chung: Chị Nguyễn Th H và anh Trần V Kh xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Chị Nguyễn Th H tự nguyện chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0014004 ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, chuyển thu án phí 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị H được nhận lại 2.350.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHAN THỊ ĐANG